

**THÔNG BÁO**  
**Kết quả tuyển dụng Lao động hợp đồng đợt 4 năm 2026**  
**của Bệnh viện Đa khoa Bắc Ninh số 2**

Căn cứ Bộ luật Lao động ngày 20/11/2019;

Căn cứ Nghị định 235/2026/NĐ-CP ngày 26/6/2026 của Chính phủ về hợp đồng thực hiện công việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 36/2026/QĐ-UBND ngày 22/5/2026 của UBND tỉnh Bắc Ninh về Quy định phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh;

Căn cứ Quyết định số 2865/QĐ-BVT Ngày 24/4/2025 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Ninh về việc phê duyệt Đề án vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của Bệnh viện đa khoa tỉnh (nay là Bệnh viện Đa khoa Bắc Ninh số 2) trực thuộc Sở Y tế tỉnh Bắc Ninh;

Căn cứ Kế hoạch số 5595/KH-BVĐKBN2 ngày 19/6/2026 của Bệnh viện Đa khoa Bắc Ninh số 2 về việc tuyển dụng Lao động hợp đồng đợt 4 năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 6511/QĐ-BVĐKBN2 ngày 13/7/2026 của Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 2 về việc quy định phương thức, tiêu chí đánh giá và nguyên tắc xác định người trúng tuyển trong kỳ tuyển dụng Hợp đồng lao động đợt 4 năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 6547/QĐ-BVĐKBN2 ngày 14/7/2026 của Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 2 về việc thành lập Hội đồng tư vấn tuyển dụng Lao động hợp đồng đợt 4 năm 2026;

Căn cứ Biên bản làm việc ngày 20/7/2026 của Hội đồng phỏng vấn tuyển dụng Lao động hợp đồng của Bệnh viện tại Quyết định số 6547/QĐ-BVĐKBN2 ngày 14/7/2026;

Căn cứ Tờ trình số 6819/TTr-BVĐKBN2 ngày 20/7/2026 của Hội đồng tư vấn tuyển dụng Lao động hợp đồng đợt 4 năm 2026 về việc đề nghị xem xét, công nhận kết quả tuyển dụng Lao động hợp đồng đợt 4 năm 2026 của Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 2.

Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 2 thông báo kết quả tuyển dụng Lao động hợp đồng đợt 4 năm 2026 như sau:

1. Thông báo kết quả phỏng vấn của 57 thí sinh.

*(Có danh sách kèm theo)*

2. Thông báo danh sách 15 thí sinh không đến dự phỏng vấn.

*(Có danh sách kèm theo)*

2. Thông báo danh sách 38 thí sinh trúng tuyển.

*(Có danh sách kèm theo)*

4. Thí sinh trúng tuyển đúng 07h00 thứ Hai ngày 27/7/2026 có mặt tại Hội trường 1, Tầng 10 nhà C2, Bệnh viện Đa khoa Bắc Ninh số 2 (đường Nguyễn Quyền, phường Võ Cường, tỉnh Bắc Ninh) để nhận quyết định, ký hợp đồng lao động và nhận vị trí công tác. Thông tin liên hệ: ông **Trần Văn Sơn** – Phó trưởng phòng Tổ chức cán bộ, điện thoại: 0916.661.861.

Bệnh viện Đa khoa Bắc Ninh số 2 trân trọng thông báo./.

**Nơi nhận:**

- Ban Giám đốc (b/c);
- Cổng thông tin điện tử SYT (đăng tải);
- Phòng CNTT (đăng tải trên Website của BV);
- Lưu VT, TCCB.

**GIÁM ĐỐC**

**Hạ Bá Chân**

**PHỤ LỤC I**  
**DANH SÁCH KẾT QUẢ PHÒNG VẤN THÍ SINH**  
**TRONG KỲ TUYỂN DỤNG LAO ĐỘNG HỢP ĐỒNG ĐỢT 4 CỦA BỆNH VIỆN ĐA KHOA BẮC NINH SỐ 2**  
*(Kèm theo thông báo số 6820/TB-BVĐKBN2 ngày 20/7/2026 của Bệnh viện)*

| STT | Họ và tên       | Chức danh ứng tuyển | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Hộ khẩu thường trú                                          | Trình độ đào tạo đại học/ CĐ |                        |                                             | Trình độ đào tạo sau đại học |              |               | Đánh giá Kinh nghiệm làm việc/ học tập | Đánh giá Khả năng làm việc | Đánh giá Kỹ năng phù hợp với vị trí việc làm | Tổng điểm |
|-----|-----------------|---------------------|---------------------|-----------|-------------------------------------------------------------|------------------------------|------------------------|---------------------------------------------|------------------------------|--------------|---------------|----------------------------------------|----------------------------|----------------------------------------------|-----------|
|     |                 |                     |                     |           |                                                             | Trình độ                     | Chuyên ngành           | Cơ sở đào tạo                               | Trình độ                     | Chuyên ngành | Cơ sở đào tạo |                                        |                            |                                              |           |
| 1.  | Trần Khắc Đáng  | Bác sĩ              | 18/09/1996          | Nam       | Thôn Tiên Trà, xã Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh                  | Đại học                      | Bác sĩ y khoa          | Trường Đại học Y- Dược Thái Nguyên          |                              |              |               | 8                                      | 23                         | 25                                           | 56        |
| 2.  | Nguyễn Đắc Hùng | Bác sĩ              | 13/05/1999          | Nam       | Tổ dân phố Mai Động, phường Phù Khê, tỉnh Bắc Ninh.         | Đại học                      | Bác sĩ y khoa          | Trường Đại học Y- Dược Hải Phòng            |                              |              |               | 8                                      | 22                         | 40                                           | 70        |
| 3.  | Ngô Thị Hoài    | Bác sĩ              | 25/03/1998          | Nữ        | TDP Á Lữ, phường Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh                 | Đại học                      | Bác sĩ y khoa          | Trường Đại học y khoa Mỹ LA-TINH (CH Cu Ba) |                              |              |               | 8                                      | 25                         | 30                                           | 63        |
| 4.  | Lê Thái Nam     | Bác sĩ              | 26/10/1997          | Nam       | Số 5 Nguyễn Huy Tưởng, Khu 2 Phường Kinh Bắc, tỉnh Bắc Ninh | Đại học                      | Bác sĩ y học cổ truyền | Học viện y dược học cổ truyền Việt Nam      |                              |              |               | 7                                      | 20                         | 40                                           | 67        |

| STT | Họ và tên          | Chức danh ứng tuyển | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Hộ khẩu thường trú                                   | Trình độ đào tạo đại học/ CĐ |                        |                                             | Trình độ đào tạo sau đại học |              |                       | Đánh giá Kinh nghiệm làm việc/ học tập | Đánh giá Khả năng làm việc | Đánh giá Kỹ năng phù hợp với vị trí việc làm | Tổng điểm |
|-----|--------------------|---------------------|---------------------|-----------|------------------------------------------------------|------------------------------|------------------------|---------------------------------------------|------------------------------|--------------|-----------------------|----------------------------------------|----------------------------|----------------------------------------------|-----------|
|     |                    |                     |                     |           |                                                      | Trình độ                     | Chuyên ngành           | Cơ sở đào tạo                               | Trình độ                     | Chuyên ngành | Cơ sở đào tạo         |                                        |                            |                                              |           |
| 5.  | Đoàn Thị Thu Thảo  | Bác sĩ              | 17/07/1998          | Nữ        | Xã Hợp Thịnh, tỉnh Bắc Ninh                          | Đại học                      | Bác sĩ đa khoa         | Đại học Quốc Gia HN Đại học Y dược          |                              |              |                       | 8                                      | 22                         | 35                                           | 65        |
| 6.  | Phạm Thủy Tiên     | Bác sĩ              | 16/05/2000          | Nữ        | Khu Phú Lợi, phường Nguyễn Trãi, thành phố Hải Phòng | Đại học                      | Bác sĩ y học cổ truyền | Học viện y dược học viện cổ truyền Việt Nam |                              |              |                       | 8                                      | 18                         | 22                                           | 48        |
| 7.  | Phùng Văn Toán     | Bác sĩ              | 03/04/1998          | Nam       | Phúc Lại, Yên Tử, Ninh Bình                          | Đại học                      | Bác sĩ Y khoa          | ĐH Y khoa Vinh                              |                              |              |                       | 8                                      | 20                         | 35                                           | 63        |
| 8.  | Nguyễn Thị Thu     | Bác sĩ              | 12/11/1996          | Nữ        | Tân Thọ, Nông Công, Thanh Hóa                        | Đại học                      | Y học cổ truyền        | Học viện y dược học viện cổ truyền Việt Nam |                              |              |                       | 8                                      | 17                         | 20                                           | 45        |
| 9.  | Nguyễn Văn Quang   | Bác sĩ              | 04/03/1993          | Nam       | Võ Cường, Bắc Ninh                                   | Đại học                      | Bác sĩ Y khoa          | ĐH Y-Dược Thái Nguyên                       | CKI                          | Tai Mũi Họng | ĐH Y-Dược Thái Nguyên | 9                                      | 20                         | 45                                           | 74        |
| 10. | Phạm Thị Kiều Linh | Bác sĩ              | 13/03/2000          | Nữ        | Thủ Pháp, Gia Bình, Bắc Ninh                         | Đại học                      | Bác sĩ Y khoa          | ĐH Y dược Hải Phòng                         |                              |              |                       | 8                                      | 22                         | 37                                           | 67        |
| 11. | Đoàn Thị Huệ       | Điều dưỡng          | 23/06/2003          | Nữ        | Lê Lợi, Nhân Thắng, Bắc Ninh                         | Đại học                      | Điều dưỡng             | Trường Đại học kỹ thuật y tế Hải Dương      |                              |              |                       | 8                                      | 28                         | 30                                           | 66        |

| STT | Họ và tên           | Chức danh ứng tuyển | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Hộ khẩu thường trú                                     | Trình độ đào tạo đại học/ CĐ |              |                                           | Trình độ đào tạo sau đại học |              |               | Đánh giá Kinh nghiệm làm việc/ học tập | Đánh giá Khả năng làm việc | Đánh giá Kỹ năng phù hợp với vị trí việc làm | Tổng điểm |
|-----|---------------------|---------------------|---------------------|-----------|--------------------------------------------------------|------------------------------|--------------|-------------------------------------------|------------------------------|--------------|---------------|----------------------------------------|----------------------------|----------------------------------------------|-----------|
|     |                     |                     |                     |           |                                                        | Trình độ                     | Chuyên ngành | Cơ sở đào tạo                             | Trình độ                     | Chuyên ngành | Cơ sở đào tạo |                                        |                            |                                              |           |
| 12. | Nguyễn Thị Giảng    | Điều dưỡng          | 07/02/2003          | Nữ        | Mỹ Thôn, Gia Bình, Bắc Ninh                            | Đại học                      | Điều dưỡng   | Trường Đại học Y dược Đại học Thái Nguyên |                              |              |               | 8                                      | 27                         | 30                                           | 65        |
| 13. | Nguyễn Thị Quỳnh An | Điều dưỡng          | 27/11/2003          | Nữ        | Phường Lý Thường Kiệt, tỉnh Ninh Bình                  | Đại học                      | Điều dưỡng   | Đại học Điều dưỡng Nam Định               |                              |              |               | 8                                      | 25                         | 35                                           | 68        |
| 14. | Trịnh Thị Giang     | Điều dưỡng          | 12/05/2003          | Nữ        | Thôn Lập Ái, xã Đại Lai, tỉnh Bắc Ninh                 | Đại học                      | Điều dưỡng   | Đại học Quốc Gia HN Đại học Y dược        |                              |              |               | 8                                      | 23                         | 35                                           | 66        |
| 15. | Quách Vân Trang     | Điều dưỡng          | 11/05/2000          | Nữ        | TDP Trung Tâm, phường Nguyễn Trãi, thành phố Hải Phòng | Đại học                      | Điều dưỡng   | Đại học kỹ thuật y tế Hải Dương           |                              |              |               | 6                                      | 20                         | 22                                           | 48        |
| 16. | Đinh Thị Minh       | Điều dưỡng          | 15/05/1997          | Nữ        | Thôn Thanh Dương, xã Trung Chính, tỉnh Bắc Ninh        | Đại học                      | Điều dưỡng   | Đại học kỹ thuật y tế Hải Dương           |                              |              |               | 7                                      | 25                         | 37                                           | 69        |
| 17. | Nguyễn Thị Phương   | Điều dưỡng          | 29/05/2002          | Nữ        | Yên Nho, Thuận Thành, Bắc Ninh                         | Đại học                      | Điều dưỡng   | Đại học Y dược Hải Phòng                  |                              |              |               | 8                                      | 24                         | 35                                           | 67        |
| 18. | Nguyễn Thị Hồng Mến | Điều dưỡng          | 07/11/2002          | Nữ        | Thanh Tương, Trí Quả, Bắc Ninh                         | Đại học                      | Điều dưỡng   | ĐH Y-Dược, ĐH Thái Nguyên                 |                              |              |               | 7                                      | 23                         | 36                                           | 66        |

| STT | Họ và tên            | Chức danh ứng tuyển | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Hộ khẩu thường trú                              | Trình độ đào tạo đại học/ CĐ |              |                                             | Trình độ đào tạo sau đại học |              |               | Đánh giá Kinh nghiệm làm việc/ học tập | Đánh giá Khả năng làm việc | Đánh giá Kỹ năng phù hợp với vị trí việc làm | Tổng điểm |
|-----|----------------------|---------------------|---------------------|-----------|-------------------------------------------------|------------------------------|--------------|---------------------------------------------|------------------------------|--------------|---------------|----------------------------------------|----------------------------|----------------------------------------------|-----------|
|     |                      |                     |                     |           |                                                 | Trình độ                     | Chuyên ngành | Cơ sở đào tạo                               | Trình độ                     | Chuyên ngành | Cơ sở đào tạo |                                        |                            |                                              |           |
| 19. | Đậu Quỳnh Giang      | Điều dưỡng          | 06/08/1997          | Nữ        | Khu Công Binh, phường Vũ Ninh, tỉnh Bắc Ninh    | Cao đẳng                     | Điều dưỡng   | Trường Cao đẳng công nghiệp Y-Dược Việt Nam |                              |              |               | 8                                      | 25                         | 35                                           | 68        |
| 20. | Nguyễn Thị Ngọc Trâm | Điều dưỡng          | 25/10/1994          | Nữ        | Khu phố Ngọc Nội, Phường Trạm Lộ, Tỉnh Bắc Ninh | Cao đẳng                     | Điều dưỡng   | Trường Đại học kỹ thuật y tế Hải Dương      |                              |              |               | 8                                      | 28                         | 30                                           | 66        |
| 21. | Ngô Thị Thơm         | Điều dưỡng          | 02/12/2004          | Nữ        | Thôn Thọ Trai, phường Tam Sơn, tỉnh Bắc Ninh    | Cao đẳng                     | Điều dưỡng   | Trường Cao đẳng y tế Bắc Ninh               |                              |              |               | 8                                      | 22                         | 37                                           | 67        |
| 22. | Nguyễn Ngọc Quỳnh    | Điều dưỡng          | 03/09/2002          | Nữ        | Khu Viêm Xá, phường Kinh Bắc, tỉnh Bắc Ninh     | Cao đẳng                     | Điều dưỡng   | Cao đẳng Y tế Bắc Ninh                      |                              |              |               | 7                                      | 23                         | 30                                           | 60        |
| 23. | Đoàn Thị Huyền       | Điều dưỡng          | 23/12/2001          | Nữ        | Hoàng Kênh, Trung Kênh, Bắc Ninh                | Cao đẳng                     | Điều dưỡng   | Cao đẳng y tế Bạch Mai                      |                              |              |               | 8                                      | 22                         | 35                                           | 65        |
| 24. | Nguyễn Thị Lệ Quyên  | Điều dưỡng          | 13/06/2004          | Nữ        | Quảng Cầu, Lâm Thao, Bắc Ninh                   | Cao đẳng                     | Điều dưỡng   | CĐ Y tế Bắc Ninh                            |                              |              |               | 7                                      | 25                         | 30                                           | 62        |

| STT | Họ và tên             | Chức danh ứng tuyển | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Hộ khẩu thường trú                           | Trình độ đào tạo đại học/ CĐ |                                |                                        | Trình độ đào tạo sau đại học |              |               | Đánh giá Kinh nghiệm làm việc/ học tập | Đánh giá Khả năng làm việc | Đánh giá Kỹ năng phù hợp với vị trí việc làm | Tổng điểm |
|-----|-----------------------|---------------------|---------------------|-----------|----------------------------------------------|------------------------------|--------------------------------|----------------------------------------|------------------------------|--------------|---------------|----------------------------------------|----------------------------|----------------------------------------------|-----------|
|     |                       |                     |                     |           |                                              | Trình độ                     | Chuyên ngành                   | Cơ sở đào tạo                          | Trình độ                     | Chuyên ngành | Cơ sở đào tạo |                                        |                            |                                              |           |
| 25. | Nguyễn Thị Kiều Trang | Kỹ thuật Y          | 19/08/1995          | Nữ        | Khu 5, phường Võ Cường, tỉnh Bắc Ninh        | Đại học                      | Kỹ thuật y phục hồi chức năng  | Trường Đại học kỹ thuật y tế Hải Dương |                              |              |               | 8                                      | 25                         | 35                                           | 68        |
| 26. | Nguyễn Anh Tấn        | Kỹ thuật Y          | 20/04/1994          | Nam       | Thôn Nghĩa Thắng, xã Đông Cứu, tỉnh Bắc Ninh | Đại học                      | Kỹ thuật hình ảnh y học        | Trường Đại học kỹ thuật y tế Hải Dương |                              |              |               | 8                                      | 23                         | 35                                           | 66        |
| 27. | Trương Hoàng Hiệp     | Công nghệ thông tin | 26/03/2003          | Nam       | TDP Yên Lâm, Quê Võ, Bắc Ninh                | Đại học                      | Công nghệ thông tin            | Đại học Điện lực                       |                              |              |               | 7                                      | 25                         | 40                                           | 72        |
| 28. | Nguyễn Lê Huyền Ly    | Công nghệ thông tin | 31/10/1991          | Nữ        | Số 10/6, đường Thanh Vy, Tùng Thiện, Hà Nội  | Đại học                      | Kỹ thuật điện tử, truyền thông | Đại học Bách khoa- Hà Nội              |                              |              |               | 9                                      | 25                         | 40                                           | 74        |
| 29. | Nguyễn Xuân Sơn       | Công nghệ thông tin | 16/08/1982          | Nam       | Mão Điền, Bắc Ninh                           | Đại học                      | Công nghệ thông tin            | ĐH Kinh doanh và công nghệ Hà Nội      |                              |              |               | 7                                      | 20                         | 20                                           | 47        |

| STT | Họ và tên           | Chức danh ứng tuyển | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Hộ khẩu thường trú                                           | Trình độ đào tạo đại học/ CĐ |              |                                   | Trình độ đào tạo sau đại học |              |               | Đánh giá Kinh nghiệm làm việc/ học tập | Đánh giá Khả năng làm việc | Đánh giá Kỹ năng phù hợp với vị trí việc làm | Tổng điểm |
|-----|---------------------|---------------------|---------------------|-----------|--------------------------------------------------------------|------------------------------|--------------|-----------------------------------|------------------------------|--------------|---------------|----------------------------------------|----------------------------|----------------------------------------------|-----------|
|     |                     |                     |                     |           |                                                              | Trình độ                     | Chuyên ngành | Cơ sở đào tạo                     | Trình độ                     | Chuyên ngành | Cơ sở đào tạo |                                        |                            |                                              |           |
| 30. | Nguyễn Thị Linh Chi | Dược sĩ             | 05/05/2000          | Nữ        | Số nhà 52 Nguyễn Giản Thanh, phường Kinh Bắc, tỉnh Bắc Ninh  | Đại học                      | Dược sĩ      | Trường Đại học Đại Nam            |                              |              |               | 8                                      | 23                         | 40                                           | 71        |
| 31. | Lê Thúy Ngọc Hà     | Dược sĩ             | 12/11/1988          | Nữ        | Khu Bò Sơn, phường Võ Cường, tỉnh Bắc Ninh                   | Đại học                      | Dược sĩ      | Trường Đại học Đại Nam            |                              |              |               | 8                                      | 20                         | 35                                           | 63        |
| 32. | Nguyễn Thị Huyền    | Dược sĩ             | 06/02/1996          | Nữ        | TDP Đình Thôn, phường Từ Liên, thành phố Hà Nội              | Đại học                      | Dược sĩ      | Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên |                              |              |               | 8                                      | 25                         | 40                                           | 73        |
| 33. | Nguyễn Trang Nguyên | Dược sĩ             | 08/08/1999          | Nữ        | Khu Hồ Ngọc Lân, phường Kinh Bắc, tỉnh Bắc Ninh              | Đại học                      | Dược sĩ      | Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên |                              |              |               | 8                                      | 25                         | 45                                           | 78        |
| 34. | Ngô Mỹ Linh         | Dược sĩ             | 01/04/1997          | Nữ        | 116 Nguyễn Văn Cừ, Ninh Xá 3, phường Kinh Bắc, tỉnh Bắc Ninh | Đại học                      | Dược sĩ      | Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên |                              |              |               | 8                                      | 27                         | 40                                           | 75        |
| 35. | Mai Thùy Linh       | Dược sĩ             | 21/10/2002          | Nữ        | Số 15, phường Kinh Bắc, tỉnh Bắc Ninh                        | Đại học                      | Dược sĩ      | Trường Đại học y dược Hải Phòng   |                              |              |               | 8                                      | 25                         | 35                                           | 68        |

| STT | Họ và tên         | Chức danh ứng tuyển | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Hộ khẩu thường trú                                     | Trình độ đào tạo đại học/ CĐ |              |                                 | Trình độ đào tạo sau đại học |              |               | Đánh giá Kinh nghiệm làm việc/ học tập | Đánh giá Khả năng làm việc | Đánh giá Kỹ năng phù hợp với vị trí việc làm | Tổng điểm |
|-----|-------------------|---------------------|---------------------|-----------|--------------------------------------------------------|------------------------------|--------------|---------------------------------|------------------------------|--------------|---------------|----------------------------------------|----------------------------|----------------------------------------------|-----------|
|     |                   |                     |                     |           |                                                        | Trình độ                     | Chuyên ngành | Cơ sở đào tạo                   | Trình độ                     | Chuyên ngành | Cơ sở đào tạo |                                        |                            |                                              |           |
| 36. | Ngô Thị Liên      | Dược sĩ             | 02/03/1999          | Nữ        | Vọng Nguyệt, Tam Giang, Bắc Ninh                       | Đại học                      | Dược sĩ      | Trường Đại học Quốc Gia Hà Nội  |                              |              |               | 8                                      | 20                         | 40                                           | 68        |
| 37. | Lê Đức Nam        | Dược sĩ             | 18/05/2001          | Nam       | Số 32 đường Nguyễn Cao, phường Kinh Bắc, tỉnh Bắc Ninh | Đại học                      | Dược sĩ      | Trường Đại học Đại Nam          |                              |              |               | 8                                      | 22                         | 40                                           | 70        |
| 38. | Bùi Phương Thanh  | Dược sĩ             | 23/11/2003          | Nam       | Xóm 1, khu Xuân Ổ B, phường Võ Cường, tỉnh Bắc Ninh    | Đại học                      | Dược sĩ      | Trường Đại học y dược Hải Phòng |                              |              |               | 8                                      | 22                         | 35                                           | 65        |
| 39. | Lê Thị Thương     | Dược sĩ             | 01/08/1995          | Nữ        | Thôn Đoan Bái, Xã Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh              | Đại học                      | Dược sĩ      | Đại học Đại Nam                 |                              |              |               | 7                                      | 20                         | 30                                           | 57        |
| 40. | Nguyễn Bảo Ngọc   | Dược sĩ             | 24/08/2002          | Nữ        | 65 Mai Bang - Suối Hoa, Phường Kinh Bắc, tỉnh Bắc Ninh | Đại học                      | Dược sĩ      | Đại học Y dược Hải Phòng        |                              |              |               | 8                                      | 23                         | 45                                           | 76        |
| 41. | Bùi Ngọc Bảo Châu | Dược sĩ             | 10/05/2002          | Nữ        | 17 ngách 111/22 Cù Chính Lan, Phường Liệt, Hà Nội      | Đại học                      | Dược sĩ      | Đại học Phenikaa                |                              |              |               | 7                                      | 20                         | 30                                           | 57        |

| STT | Họ và tên           | Chức danh ứng tuyển | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Hộ khẩu thường trú                           | Trình độ đào tạo đại học/ CĐ |                   |                                          | Trình độ đào tạo sau đại học |              |               | Đánh giá Kinh nghiệm làm việc/ học tập | Đánh giá Khả năng làm việc | Đánh giá Kỹ năng phù hợp với vị trí việc làm | Tổng điểm |
|-----|---------------------|---------------------|---------------------|-----------|----------------------------------------------|------------------------------|-------------------|------------------------------------------|------------------------------|--------------|---------------|----------------------------------------|----------------------------|----------------------------------------------|-----------|
|     |                     |                     |                     |           |                                              | Trình độ                     | Chuyên ngành      | Cơ sở đào tạo                            | Trình độ                     | Chuyên ngành | Cơ sở đào tạo |                                        |                            |                                              |           |
| 42. | Ngô Thị Ngọc Quỳnh  | Dược sĩ             | 16/06/2000          | Nữ        | Khu phố Hồi Quan, Tam Sơn, Bắc Ninh          | Đại học                      | Dược sĩ           | Đại học Y Dược - Đại học Quốc Gia Hà Nội |                              |              |               | 8                                      | 20                         | 32                                           | 60        |
| 43. | Nguyễn Thị Huyền    | Dược sĩ             | 03/04/2001          | Nữ        | TDP Quang Biều, phường Nénh, tỉnh Bắc Ninh   | Đại học                      | Dược sĩ           | Đại học Dược Hà Nội                      |                              |              |               | 8                                      | 25                         | 45                                           | 78        |
| 44. | Nguyễn Thị Như      | Dược sĩ             | 07/11/1992          | Nữ        | Đông Hương, Yên Dũng, Bắc Ninh               | Đại học                      | Dược sĩ           | ĐH Dược Hà Nội                           |                              |              |               | 9                                      | 25                         | 30                                           | 64        |
| 45. | Nguyễn Thị Vân Hạnh | Dược sĩ             | 08/08/1999          | Nữ        | Chi Hò, Tân Chi, Tiên Du, Bắc Ninh           | Đại học                      | Dược sĩ           | Đại học Y dược - Đại học Quốc gia Hà Nội |                              |              |               | 8                                      | 20                         | 30                                           | 58        |
| 46. | Nguyễn Thị Phượng   | Hộ lý               | 06/11/1986          | Nữ        | Đương Xá 2, phường Kinh Bắc, tỉnh Bắc Ninh   | 12/12                        |                   | THPT Yên Phong 2                         |                              |              |               | 7                                      | 20                         | 20                                           | 47        |
| 47. | Đặng Thị Thu Hằng   | Hộ lý               | 08/07/1986          | Nữ        | Đương Xá , phường Kinh Bắc, tỉnh Bắc Ninh    | 12/12                        |                   | THPT Yên Phong 2                         |                              |              |               | 7                                      | 25                         | 40                                           | 72        |
| 48. | Trần Thị Kim Oanh   | Hộ lý               | 21/01/2000          | Nữ        | Khu Thụ Ninh, phường Vạn Ninh, tỉnh Bắc Ninh | Cao đẳng                     | CN thực hành Dược | Trường CĐ Y Dược Hà Nội                  |                              |              |               | 8                                      | 25                         | 35                                           | 68        |

| STT | Họ và tên            | Chức danh ứng tuyển | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Hộ khẩu thường trú                                                 | Trình độ đào tạo đại học/ CĐ |                     |                                   | Trình độ đào tạo sau đại học |              |               | Đánh giá Kinh nghiệm làm việc/ học tập | Đánh giá Khả năng làm việc | Đánh giá Kỹ năng phù hợp với vị trí việc làm | Tổng điểm |
|-----|----------------------|---------------------|---------------------|-----------|--------------------------------------------------------------------|------------------------------|---------------------|-----------------------------------|------------------------------|--------------|---------------|----------------------------------------|----------------------------|----------------------------------------------|-----------|
|     |                      |                     |                     |           |                                                                    | Trình độ                     | Chuyên ngành        | Cơ sở đào tạo                     | Trình độ                     | Chuyên ngành | Cơ sở đào tạo |                                        |                            |                                              |           |
| 49. | Phạm Thị Phương Thảo | Kế toán             | 23/10/2001          | Nữ        | Khu 10, phường Võ Cường, tỉnh Bắc Ninh                             | Đại học                      | Kế toán             | Học viện tài chính                |                              |              |               | 8                                      | 25                         | 35                                           | 68        |
| 50. | Nguyễn Ngọc Trinh    | Kế toán             | 22/09/1994          | Nữ        | Đồng Chuế, Nhân Hòa, Bắc Ninh                                      | Đại học                      | Kế toán             | Trường Đại học Công Đoàn          |                              |              |               | 8                                      | 20                         | 35                                           | 63        |
| 51. | Đặng Thanh Huyền     | Kế toán             | 06/07/2000          | Nữ        | Số 91, phố Nguyễn Huy Tưởng, khu 2, phường Kinh Bắc, tỉnh Bắc Ninh | Đại học                      | Kinh tế quốc tế     | Học viện chính sách và phát triển |                              |              |               | 7                                      | 24                         | 37                                           | 68        |
| 52. | Nguyễn Thủy Ninh     | Kế toán             | 02/10/1999          | Nữ        | Cầm Giang, Đồng Nguyên, Bắc Ninh                                   | Đại học                      | Kế toán             | Học viện tài chính                |                              |              |               | 8                                      | 22                         | 35                                           | 65        |
| 53. | Hoàng Đạo Học        | Kế toán             | 17/04/1991          | Nam       | Thôn Đông Xuyên, xã Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh                       | Đại học                      | Kế toán             | Học viện tài chính                |                              |              |               | 8                                      | 20                         | 20                                           | 48        |
| 54. | Nguyễn Quốc Phú      | Kế toán             | 01/12/2001          | Nam       | 82, Y Na, phường Kinh Bắc, tỉnh Bắc Ninh                           | Đại học                      | Tài chính ngân hàng | Đại học quốc Gia Hà Nội           |                              |              |               | 8                                      | 25                         | 40                                           | 73        |
| 55. | Nguyễn Thị Minh      | Kế toán             | 04/04/1991          | Nữ        | TDP Cổ Mễ, phường Vũ Ninh, tỉnh Bắc Ninh                           | Đại học                      | Tài chính ngân hàng | Đại học Kinh Bắc                  |                              |              |               | 7                                      | 19                         | 20                                           | 46        |

| STT | Họ và tên           | Chức danh ứng tuyển | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Hộ khẩu thường trú                   | Trình độ đào tạo đại học/ CĐ |                       |                                        | Trình độ đào tạo sau đại học |              |               | Đánh giá Kinh nghiệm làm việc/ học tập | Đánh giá Khả năng làm việc | Đánh giá Kỹ năng phù hợp với vị trí việc làm | Tổng điểm |
|-----|---------------------|---------------------|---------------------|-----------|--------------------------------------|------------------------------|-----------------------|----------------------------------------|------------------------------|--------------|---------------|----------------------------------------|----------------------------|----------------------------------------------|-----------|
|     |                     |                     |                     |           |                                      | Trình độ                     | Chuyên ngành          | Cơ sở đào tạo                          | Trình độ                     | Chuyên ngành | Cơ sở đào tạo |                                        |                            |                                              |           |
| 56. | Nguyễn Thùy Dương   | Kế toán             | 26/02/2004          | Nữ        | Cầu Đào, Nhân Thắng, Bắc Ninh        | Đại học                      | Kế toán               | Đại học kinh tế - kỹ thuật công nghiệp |                              |              |               | 7                                      | 20                         | 35                                           | 62        |
| 57. | Lê Ngọc Huyền Trang | Kế toán             | 08/03/2001          | Nữ        | Phố Ngô Gia Khảm, Kinh Bắc, Bắc Ninh | Đại học                      | Tài chính - ngân hàng | Học viện tài chính                     |                              |              |               | 8                                      | 22                         | 38                                           | 68        |

**Tổng số: 57 thí sinh.**

**PHỤ LỤC II**  
**DANH SÁCH THÍ SINH KHÔNG ĐẾN THAM GIA PHỎNG VẤN**  
**TRONG KỲ TUYỂN DỤNG LAO ĐỘNG HỢP ĐỒNG ĐỢT 4 NĂM 2026 CỦA BỆNH VIỆN**  
*(Kèm theo thông báo số 6820/TB-BVĐKBN2 ngày 20/7/2026 của Bệnh viện)*

| STT | Họ và tên        | Chức danh ứng tuyển | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Hộ khẩu thường trú                       | Trình độ đào tạo đại học/ CĐ |                        |                                             |               | Trình độ đào tạo sau đại học |              |                           |               |                      |
|-----|------------------|---------------------|---------------------|-----------|------------------------------------------|------------------------------|------------------------|---------------------------------------------|---------------|------------------------------|--------------|---------------------------|---------------|----------------------|
|     |                  |                     |                     |           |                                          | Trình độ                     | Chuyên ngành           | Cơ sở đào tạo                               | Ngày cấp bằng | Trình độ                     | Chuyên ngành | Cơ sở đào tạo             | Ngày cấp bằng | Số hiệu bằng         |
| 1   | Nguyễn Thị Minh  | Bác sĩ              | 19/08/1998          | Nữ        | Khu Đông, phường Hạp Lĩnh, tỉnh Bắc Ninh | Đại học                      | Bác sĩ y học cổ truyền | Học viện y dược học viện cổ truyền Việt Nam | 06/09/2022    |                              |              |                           |               |                      |
| 2   | Vì Thị Hồng La   | Bác sĩ              | 16/11/1998          | Nữ        | Mạc L, Yên Thế, Bắc Ninh                 | Đại học                      | Bác sĩ Y khoa          | ĐH Y-Dược, ĐH Thái Nguyên                   | 06/09/2022    | BSN T/CKI/Ths                | Nội khoa     | ĐH Y-Dược, ĐH Thái Nguyên | 04/03/2026    | 009362/0082393/B3389 |
| 3   | Nguyễn Đắc Thành | Điều dưỡng          | 27/05/1997          | Nam       | Thiểm Xuyên, Tam Đa, Bắc Ninh            | Cao đẳng                     | Điều dưỡng             | CĐ Y dược Hà Nội                            | 12/08/2022    |                              |              |                           |               |                      |
| 4   | Vũ Thanh Bình    | Y công              | 27/04/2001          | Nam       | Khu 9, Phường Võ Cường, tỉnh Bắc Ninh    | Cao đẳng                     | Cơ điện tử             | Cao đẳng Công Nghiệp                        | 18/05/2022    |                              |              |                           |               |                      |

| STT | Họ và tên           | Chức danh ứng tuyển | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Hộ khẩu thường trú                                        | Trình độ đào tạo đại học/ CĐ |              |                                        |               | Trình độ đào tạo sau đại học |              |               |               |              |
|-----|---------------------|---------------------|---------------------|-----------|-----------------------------------------------------------|------------------------------|--------------|----------------------------------------|---------------|------------------------------|--------------|---------------|---------------|--------------|
|     |                     |                     |                     |           |                                                           | Trình độ                     | Chuyên ngành | Cơ sở đào tạo                          | Ngày cấp bằng | Trình độ                     | Chuyên ngành | Cơ sở đào tạo | Ngày cấp bằng | Số hiệu bằng |
| 5   | Trịnh Thị Hồng Thắm | Dược sĩ             | 20/02/2001          | Nữ        | Xóm 2, Tổ dân phố Đại Mão, Phường Mão diên, tỉnh Bắc Ninh | Đại học                      | Dược sĩ      | Đại học Dược Hà Nội                    | 16/07/2004    |                              |              |               |               |              |
| 6   | Nguyễn Thanh Cơ     | Dược sĩ             | 09/07/2002          | Nữ        | TDP Kép, phường Chũ, tỉnh Bắc Ninh                        | Đại học                      | Dược sĩ      | Đại học Y - Dược ĐH Thái Nguyên        | 30/07/2025    |                              |              |               |               |              |
| 7   | Đặng Tuấn Minh      | Dược sĩ             | 29/07/2002          | Nam       | Tháp Dương, Trung Kênh, Bắc Ninh                          | Đại học                      | Dược sĩ      | Đại học Y - Dược ĐH Thái Nguyên        | 10/08/2025    |                              |              |               |               |              |
| 8   | Ngô Kỳ Toàn         | Dược sĩ             | 23/03/1997          | Nam       | Tổ 8, phường Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh                     | Đại học                      | Dược sĩ      | Đại học kinh doanh và công nghệ Hà Nội | 12/12/2022    |                              |              |               |               |              |

| STT | Họ và tên       | Chức danh ứng tuyển | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Hộ khẩu thường trú                             | Trình độ đào tạo đại học/ CĐ |              |                          |               | Trình độ đào tạo sau đại học |              |               |               |              |
|-----|-----------------|---------------------|---------------------|-----------|------------------------------------------------|------------------------------|--------------|--------------------------|---------------|------------------------------|--------------|---------------|---------------|--------------|
|     |                 |                     |                     |           |                                                | Trình độ                     | Chuyên ngành | Cơ sở đào tạo            | Ngày cấp bằng | Trình độ                     | Chuyên ngành | Cơ sở đào tạo | Ngày cấp bằng | Số hiệu bằng |
| 9   | Trịnh Thanh Hà  | Dược sĩ             | 13/07/2000          | Nữ        | 12 Lý Cao Tông, phường Kinh Bắc, tỉnh Bắc Ninh | Đại học                      | Dược sĩ      | Đại học Đại Nam          | 30/06/2023    |                              |              |               |               |              |
| 10  | Tôn Thu Hà      | Dược sĩ             | 28/04/2002          | Nữ        | 44, khu dân dân, Phường Vỹ, Vũ Ninh, Bắc Ninh  | Đại học                      | Dược sĩ      | Đại học Y dược Hải Phòng | 30/06/2025    |                              |              |               |               |              |
| 11  | Nguyễn Thị Huế  | Dược sĩ             | 19/08/2000          | Nữ        | Trạm Trai, Ninh Xá, Bắc Ninh                   | Đại học                      | Dược sĩ      | Đại học Dược HN          | 19/07/2023    |                              |              |               |               |              |
| 12  | Đỗ Thị Linh Chi | Dược sĩ             | 02/11/2002          | Nữ        | Phong Nẫm, Tam Đa, Bắc Ninh                    | Đại học                      | Dược sĩ      | ĐH Dược Hà Nội           | 17/07/2025    |                              |              |               |               |              |
| 13  | Nguyễn Thu Uyên | Dược sĩ             | 10/04/1996          | Nữ        | Nam Thăng Long, Phú Thượng, Hà Nội             | Đại học                      | Dược sĩ      | ĐH Phenika a             | 05/11/2020    |                              |              |               |               |              |

| STT | Họ và tên            | Chức danh ứng tuyển | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Hộ khẩu thường trú              | Trình độ đào tạo đại học/ CĐ |                     |                           |               | Trình độ đào tạo sau đại học |              |               |               |              |
|-----|----------------------|---------------------|---------------------|-----------|---------------------------------|------------------------------|---------------------|---------------------------|---------------|------------------------------|--------------|---------------|---------------|--------------|
|     |                      |                     |                     |           |                                 | Trình độ                     | Chuyên ngành        | Cơ sở đào tạo             | Ngày cấp bằng | Trình độ                     | Chuyên ngành | Cơ sở đào tạo | Ngày cấp bằng | Số hiệu bằng |
| 14  | Trần Thị Nhi         | Dược sĩ             | 29/05/2000          | Nữ        | Tiểu Than, Cao Đức, Bắc Ninh    | Đại học                      | Dược sĩ             | ĐH Y-Dược, ĐH Thái Nguyên | 07/08/2023    |                              |              |               |               |              |
| 15  | Nguyễn Thị Quỳnh Nga | Kế toán             | 05/09/2003          | Nữ        | Khu phố Sơn, Hạp Lĩnh, Bắc Ninh | Đại học                      | Tài chính-ngân hàng | Học viện tài chính        | 18/07/2025    |                              |              |               |               |              |

**Tổng số: 15 thí sinh.**

**PHỤ LỤC III**  
**DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN**  
**TRONG KỲ TUYỂN DỤNG LAO ĐỘNG HỢP ĐỒNG ĐỢT 4 CỦA BỆNH VIỆN ĐA KHOA BẮC NINH SỐ 2**  
*(Kèm theo thông báo số 6820/TB-BVĐKBN2 ngày 20/7/2026 của Bệnh viện)*

| STT | Họ và tên          | Chức danh ứng tuyển | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Hộ khẩu thường trú                                          | Trình độ đào tạo đại học/ CĐ |                        |                                        | Trình độ đào tại sau đại học |              |                       | Đánh giá Kinh nghiệm làm việc/ học tập | Đánh giá Khả năng làm việc | Đánh giá Kỹ năng phù hợp với vị trí việc làm | Tổng điểm |
|-----|--------------------|---------------------|---------------------|-----------|-------------------------------------------------------------|------------------------------|------------------------|----------------------------------------|------------------------------|--------------|-----------------------|----------------------------------------|----------------------------|----------------------------------------------|-----------|
|     |                    |                     |                     |           |                                                             | Trình độ                     | Chuyên ngành           | Cơ sở đào tạo                          | Trình độ                     | Chuyên ngành | Cơ sở đào tạo         |                                        |                            |                                              |           |
| 1   | Nguyễn Văn Quang   | Bác sĩ              | 04/03/1993          | Nam       | Võ Cường, Bắc Ninh                                          | Đại học                      | Bác sĩ Y khoa          | ĐH Y-Dược Thái Nguyên                  | CKI                          | Tai Mũi Họng | ĐH Y-Dược Thái Nguyên | 9                                      | 20                         | 45                                           | 74        |
| 2   | Nguyễn Đắc Hùng    | Bác sĩ              | 13/05/1999          | Nam       | Tổ dân phố Mai Động, phường Phù Khê, tỉnh Bắc Ninh.         | Đại học                      | Bác sĩ y khoa          | Trường Đại học Y- Dược Hải Phòng       |                              |              |                       | 8                                      | 22                         | 40                                           | 70        |
| 3   | Lê Thái Nam        | Bác sĩ              | 26/10/1997          | Nam       | Số 5 Nguyễn Huy Tưởng, Khu 2 Phường Kinh Bắc, tỉnh Bắc Ninh | Đại học                      | Bác sĩ y học cổ truyền | Học viện y dược học cổ truyền Việt Nam |                              |              |                       | 7                                      | 20                         | 40                                           | 67        |
| 4   | Phạm Thị Kiều Linh | Bác sĩ              | 13/03/2000          | Nữ        | Thủ Pháp, Gia Bình, Bắc Ninh                                | Đại học                      | Bác sĩ Y khoa          | ĐH Y dược Hải Phòng                    |                              |              |                       | 8                                      | 22                         | 37                                           | 67        |

| STT | Họ và tên           | Chức danh ứng tuyển | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Hộ khẩu thường trú                              | Trình độ đào tạo đại học/ CĐ |                |                                             | Trình độ đào tại sau đại học |              |               | Đánh giá Kinh nghiệm m làm việc/ học tập | Đánh giá Khả năng làm việc | Đánh giá Kỹ năng phù hợp với vị trí việc làm | Tổng điểm |
|-----|---------------------|---------------------|---------------------|-----------|-------------------------------------------------|------------------------------|----------------|---------------------------------------------|------------------------------|--------------|---------------|------------------------------------------|----------------------------|----------------------------------------------|-----------|
|     |                     |                     |                     |           |                                                 | Trình độ                     | Chuyên ngành   | Cơ sở đào tạo                               | Trình độ                     | Chuyên ngành | Cơ sở đào tạo |                                          |                            |                                              |           |
| 5   | Đoàn Thị Thu Thảo   | Bác sĩ              | 17/07/1998          | Nữ        | Xã Hợp Thịnh, tỉnh Bắc Ninh                     | Đại học                      | Bác sĩ đa khoa | Đại học Quốc Gia HN Đại học Y dược          |                              |              |               | 8                                        | 22                         | 35                                           | 65        |
| 6   | Ngô Thị Hoài        | Bác sĩ              | 25/03/1998          | Nữ        | TDP Á Lữ, phường Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh     | Đại học                      | Bác sĩ y khoa  | Trường Đại học y khoa Mỹ LA-TINH (CH Cu Ba) |                              |              |               | 8                                        | 25                         | 30                                           | 63        |
| 7   | Phùng Văn Toán      | Bác sĩ              | 03/04/1998          | Nam       | Phúc Lại, Yên Từ, Ninh Bình                     | Đại học                      | Bác sĩ Y khoa  | ĐH Y khoa Vinh                              |                              |              |               | 8                                        | 20                         | 35                                           | 63        |
| 8   | Trần Khắc Đáng      | Bác sĩ              | 18/09/1996          | Nam       | Thôn Tiên Trà, xã Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh      | Đại học                      | Bác sĩ y khoa  | Trường Đại học Y- Dược Thái Nguyên          |                              |              |               | 8                                        | 23                         | 25                                           | 56        |
| 9   | Đinh Thị Minh       | Điều dưỡng          | 15/05/1997          | Nữ        | Thôn Thanh Dương, xã Trung Chính, tỉnh Bắc Ninh | Đại học                      | Điều dưỡng     | Đại học kỹ thuật y tế Hải Dương             |                              |              |               | 7                                        | 25                         | 37                                           | 69        |
| 10  | Nguyễn Thị Quỳnh An | Điều dưỡng          | 27/11/2003          | Nữ        | Phường Lý Thường Kiệt, tỉnh Ninh Bình           | Đại học                      | Điều dưỡng     | Đại học Điều dưỡng Nam Định                 |                              |              |               | 8                                        | 25                         | 35                                           | 68        |

| STT | Họ và tên           | Chức danh ứng tuyển | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Hộ khẩu thường trú                           | Trình độ đào tạo đại học/ CĐ |              |                                             | Trình độ đào tại sau đại học |              |               | Đánh giá Kinh nghiệm làm việc/ học tập | Đánh giá Khả năng làm việc | Đánh giá Kỹ năng phù hợp với vị trí việc làm | Tổng điểm |
|-----|---------------------|---------------------|---------------------|-----------|----------------------------------------------|------------------------------|--------------|---------------------------------------------|------------------------------|--------------|---------------|----------------------------------------|----------------------------|----------------------------------------------|-----------|
|     |                     |                     |                     |           |                                              | Trình độ                     | Chuyên ngành | Cơ sở đào tạo                               | Trình độ                     | Chuyên ngành | Cơ sở đào tạo |                                        |                            |                                              |           |
| 11  | Đậu Quỳnh Giang     | Điều dưỡng          | 06/08/1997          | Nữ        | Khu Công Binh, phường Vũ Ninh, tỉnh Bắc Ninh | Cao đẳng                     | Điều dưỡng   | Trường Cao đẳng công nghiệp Y-Dược Việt Nam |                              |              |               | 8                                      | 25                         | 35                                           | 68        |
| 12  | Nguyễn Thị Phương   | Điều dưỡng          | 29/05/2002          | Nữ        | Yên Nho, Thuận Thành, Bắc Ninh               | Đại học                      | Điều dưỡng   | Đại học Y dược Hải Phòng                    |                              |              |               | 8                                      | 24                         | 35                                           | 67        |
| 13  | Ngô Thị Thơm        | Điều dưỡng          | 02/12/2004          | Nữ        | Thôn Thọ Trai, phường Tam Sơn, tỉnh Bắc Ninh | Cao đẳng                     | Điều dưỡng   | Trường Cao đẳng y tế Bắc Ninh               |                              |              |               | 8                                      | 22                         | 37                                           | 67        |
| 14  | Đoàn Thị Huệ        | Điều dưỡng          | 23/06/2003          | Nữ        | Lê Lợi, Nhân Thắng, Bắc Ninh                 | Đại học                      | Điều dưỡng   | Trường Đại học kỹ thuật y tế Hải Dương      |                              |              |               | 8                                      | 28                         | 30                                           | 66        |
| 15  | Trịnh Thị Giang     | Điều dưỡng          | 12/05/2003          | Nữ        | Thôn Lập Ái, xã Đại Lai, tỉnh Bắc Ninh       | Đại học                      | Điều dưỡng   | Đại học Quốc Gia HN Đại học Y dược          |                              |              |               | 8                                      | 23                         | 35                                           | 66        |
| 16  | Nguyễn Thị Hồng Mến | Điều dưỡng          | 07/11/2002          | Nữ        | Thanh Truong, Trí Quả, Bắc Ninh              | Đại học                      | Điều dưỡng   | ĐH Y-Dược, ĐH Thái Nguyên                   |                              |              |               | 7                                      | 23                         | 36                                           | 66        |

| STT | Họ và tên             | Chức danh ứng tuyển | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Hộ khẩu thường trú                              | Trình độ đào tạo đại học/ CĐ |                               |                                           | Trình độ đào tại sau đại học |              |               | Đánh giá Kinh nghiệm m làm việc/ học tập | Đánh giá Khả năng làm việc | Đánh giá Kỹ năng phù hợp với vị trí việc làm | Tổng điểm |
|-----|-----------------------|---------------------|---------------------|-----------|-------------------------------------------------|------------------------------|-------------------------------|-------------------------------------------|------------------------------|--------------|---------------|------------------------------------------|----------------------------|----------------------------------------------|-----------|
|     |                       |                     |                     |           |                                                 | Trình độ                     | Chuyên ngành                  | Cơ sở đào tạo                             | Trình độ                     | Chuyên ngành | Cơ sở đào tạo |                                          |                            |                                              |           |
| 17  | Nguyễn Thị Ngọc Trâm  | Điều dưỡng          | 25/10/1994          | Nữ        | Khu phố Ngọc Nội, Phường Trạm Lộ, Tỉnh Bắc Ninh | Cao đẳng                     | Điều dưỡng                    | Trường Đại học kỹ thuật y tế Hải Dương    |                              |              |               | 8                                        | 28                         | 30                                           | 66        |
| 18  | Nguyễn Thị Giảng      | Điều dưỡng          | 07/02/2003          | Nữ        | Mỹ Thôn, Gia Bình, Bắc Ninh                     | Đại học                      | Điều dưỡng                    | Trường Đại học Y dược Đại học Thái Nguyên |                              |              |               | 8                                        | 27                         | 30                                           | 65        |
| 19  | Đoàn Thị Huyền        | Điều dưỡng          | 23/12/2001          | Nữ        | Hoàng Kênh, Trung Kênh, Bắc Ninh                | Cao đẳng                     | Điều dưỡng                    | Cao đẳng y tế Bạch Mai                    |                              |              |               | 8                                        | 22                         | 35                                           | 65        |
| 20  | Nguyễn Thị Lệ Quyên   | Điều dưỡng          | 13/06/2004          | Nữ        | Quảng Cầu, Lâm Thao, Bắc Ninh                   | Cao đẳng                     | Điều dưỡng                    | CĐ Y tế Bắc Ninh                          |                              |              |               | 7                                        | 25                         | 30                                           | 62        |
| 21  | Nguyễn Ngọc Quỳnh     | Điều dưỡng          | 03/09/2002          | Nữ        | Khu Viêm Xá, phường Kinh Bắc, tỉnh Bắc Ninh     | Cao đẳng                     | Điều dưỡng                    | Cao đẳng Y tế Bắc Ninh                    |                              |              |               | 7                                        | 23                         | 30                                           | 60        |
| 22  | Nguyễn Thị Kiều Trang | Kỹ thuật Y          | 19/08/1995          | Nữ        | Khu 5, phường Võ Cường, tỉnh Bắc Ninh           | Đại học                      | Kỹ thuật y phục hồi chức năng | Trường Đại học kỹ thuật y tế Hải Dương    |                              |              |               | 8                                        | 25                         | 35                                           | 68        |

| STT | Họ và tên           | Chức danh ứng tuyển | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Hộ khẩu thường trú                                     | Trình độ đào tạo đại học/ CĐ |                                |                                        | Trình độ đào tại sau đại học |              |               | Đánh giá Kinh nghiệm làm việc/ học tập | Đánh giá Khả năng làm việc | Đánh giá Kỹ năng phù hợp với vị trí việc làm | Tổng điểm |
|-----|---------------------|---------------------|---------------------|-----------|--------------------------------------------------------|------------------------------|--------------------------------|----------------------------------------|------------------------------|--------------|---------------|----------------------------------------|----------------------------|----------------------------------------------|-----------|
|     |                     |                     |                     |           |                                                        | Trình độ                     | Chuyên ngành                   | Cơ sở đào tạo                          | Trình độ                     | Chuyên ngành | Cơ sở đào tạo |                                        |                            |                                              |           |
| 23  | Nguyễn Anh Tân      | Kỹ thuật Y          | 20/04/1994          | Nam       | Thôn Nghĩa Thắng, xã Đông Cứu, tỉnh Bắc Ninh           | Đại học                      | Kỹ thuật hình ảnh y học        | Trường Đại học kỹ thuật y tế Hải Dương |                              |              |               | 8                                      | 23                         | 35                                           | 66        |
| 24  | Nguyễn Lê Huyền Ly  | Công nghệ thông tin | 31/10/1991          | Nữ        | Số 10/6, đường Thanh Vy, Tùng Thiện, Hà Nội            | Đại học                      | Kỹ thuật điện tử, truyền thông | Đại học Bách khoa- Hà Nội              |                              |              |               | 9                                      | 25                         | 40                                           | 74        |
| 25  | Trương Hoàng Hiệp   | Công nghệ thông tin | 26/03/2003          | Nam       | TDP Yên Lâm, Quế Võ, Bắc Ninh                          | Đại học                      | Công nghệ thông tin            | Đại học Điện lực                       |                              |              |               | 7                                      | 25                         | 40                                           | 72        |
| 26  | Nguyễn Trang Nguyên | Dược sĩ             | 08/08/1999          | Nữ        | Khu Hồ Ngọc Lâm, phường Kinh Bắc, tỉnh Bắc Ninh        | Đại học                      | Dược sĩ                        | Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên      |                              |              |               | 8                                      | 25                         | 45                                           | 78        |
| 27  | Nguyễn Thị Huyền    | Dược sĩ             | 03/04/2001          | Nữ        | TDP Quang Biều, phường Nénh, tỉnh Bắc Ninh             | Đại học                      | Dược sĩ                        | Đại học Dược Hà Nội                    |                              |              |               | 8                                      | 25                         | 45                                           | 78        |
| 28  | Nguyễn Bảo Ngọc     | Dược sĩ             | 24/08/2002          | Nữ        | 65 Mai Bang - Suối Hoa, Phường Kinh Bắc, tỉnh Bắc Ninh | Đại học                      | Dược sĩ                        | Đại học Y dược Hải Phòng               |                              |              |               | 8                                      | 23                         | 45                                           | 76        |

| STT | Họ và tên            | Chức danh ứng tuyển | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Hộ khẩu thường trú                                                 | Trình độ đào tạo đại học/ CĐ |                     |                                   | Trình độ đào tạo sau đại học |              |               | Đánh giá Kinh nghiệm làm việc/ học tập | Đánh giá Khả năng làm việc | Đánh giá Kỹ năng phù hợp với vị trí việc làm | Tổng điểm |
|-----|----------------------|---------------------|---------------------|-----------|--------------------------------------------------------------------|------------------------------|---------------------|-----------------------------------|------------------------------|--------------|---------------|----------------------------------------|----------------------------|----------------------------------------------|-----------|
|     |                      |                     |                     |           |                                                                    | Trình độ                     | Chuyên ngành        | Cơ sở đào tạo                     | Trình độ                     | Chuyên ngành | Cơ sở đào tạo |                                        |                            |                                              |           |
| 29  | Ngô Mỹ Linh          | Dược sĩ             | 01/04/1997          | Nữ        | 116 Nguyễn Văn Cừ, Ninh Xá 3, phường Kinh Bắc, tỉnh Bắc Ninh       | Đại học                      | Dược sĩ             | Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên |                              |              |               | 8                                      | 27                         | 40                                           | 75        |
| 30  | Đặng Thị Thu Hằng    | Hộ lý               | 08/07/1986          | Nữ        | Đường Xá , phường Kinh Bắc, tỉnh Bắc Ninh                          | 12/12                        |                     | THPT Yên Phong 2                  |                              |              |               | 7                                      | 25                         | 40                                           | 72        |
| 31  | Trần Thị Kim Oanh    | Hộ lý               | 21/01/2000          | Nữ        | Khu Thụ Ninh, phường Vạn Ninh, tỉnh Bắc Ninh                       | Cao đẳng                     | CN thực hành Dược   | Trường CĐ Y Dược Hà Nội           |                              |              |               | 8                                      | 25                         | 35                                           | 68        |
| 32  | Nguyễn Quốc Phú      | Kế toán             | 01/12/2001          | Nam       | 82, Y Na, phường Kinh Bắc, tỉnh Bắc Ninh                           | Đại học                      | Tài chính ngân hàng | Đại học quốc Gia Hà Nội           |                              |              |               | 8                                      | 25                         | 40                                           | 73        |
| 33  | Phạm Thị Phương Thảo | Kế toán             | 23/10/2001          | Nữ        | Khu 10, phường Võ Cường, tỉnh Bắc Ninh                             | Đại học                      | Kế toán             | Học viện tài chính                |                              |              |               | 8                                      | 25                         | 35                                           | 68        |
| 34  | Đặng Thanh Huyền     | Kế toán             | 06/07/2000          | Nữ        | Số 91, phố Nguyễn Huy Tường, khu 2, phường Kinh Bắc, tỉnh Bắc Ninh | Đại học                      | Kinh tế quốc tế     | Học viện chính sách và phát triển |                              |              |               | 7                                      | 24                         | 37                                           | 68        |

| STT | Họ và tên           | Chức danh ứng tuyển | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Hộ khẩu thường trú                   | Trình độ đào tạo đại học/ CĐ |                       |                                        | Trình độ đào tại sau đại học |              |               | Đánh giá Kinh nghiệm m làm việc/ học tập | Đánh giá Khả năng làm việc | Đánh giá Kỹ năng phù hợp với vị trí việc làm | Tổng điểm |
|-----|---------------------|---------------------|---------------------|-----------|--------------------------------------|------------------------------|-----------------------|----------------------------------------|------------------------------|--------------|---------------|------------------------------------------|----------------------------|----------------------------------------------|-----------|
|     |                     |                     |                     |           |                                      | Trình độ                     | Chuyên ngành          | Cơ sở đào tạo                          | Trình độ                     | Chuyên ngành | Cơ sở đào tạo |                                          |                            |                                              |           |
| 35  | Lê Ngọc Huyền Trang | Kế toán             | 08/03/2001          | Nữ        | Phổ Ngô Gia Khảm, Kinh Bắc, Bắc Ninh | Đại học                      | Tài chính - ngân hàng | Học viện tài chính                     |                              |              |               | 8                                        | 22                         | 38                                           | 68        |
| 36  | Nguyễn Thùy Ninh    | Kế toán             | 02/10/1999          | Nữ        | Cầm Giang, Đồng Nguyên, Bắc Ninh     | Đại học                      | Kế toán               | Học viện tài chính                     |                              |              |               | 8                                        | 22                         | 35                                           | 65        |
| 37  | Nguyễn Ngọc Trinh   | Kế toán             | 22/09/1994          | Nữ        | Đồng Chuế, Nhân Hòa, Bắc Ninh        | Đại học                      | Kế toán               | Trường Đại học Công Đoàn               |                              |              |               | 8                                        | 20                         | 35                                           | 63        |
| 38  | Nguyễn Thùy Dương   | Kế toán             | 26/02/2004          | Nữ        | Cầu Đào, Nhân Thắng, Bắc Ninh        | Đại học                      | Kế toán               | Đại học kinh tế - kỹ thuật công nghiệp |                              |              |               | 7                                        | 20                         | 35                                           | 62        |

**Tổng số: 38 thí sinh./.**